

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HN-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Võ Thành Hưng.**

- Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí –**

Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2020/QĐST-HN ngày 19 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST – HN ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1992

HKTT: KV Thạnh Mỹ, P. Lê Bình, Q. C, Tp. Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Ông **Phan Thanh P**, sinh năm 1992

Địa chỉ: KV 5, P. Hưng Phú, Q. C, Tp. Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Bà và ông P qua thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, lễ cưới tổ chức vào năm 2018, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2018 tại UBND P. H, Q. C, Tp. Cần Thơ. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn thì bà phát hiện ông P có người khác. Mặc dù bà đã cho ông P nhiều lần cơ hội nhưng ông vẫn không sửa đổi nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 và vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu

được ly hôn với ông P.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai ngày 19/3/2020 bị đơn ông Phan Thanh P trình bày: Ông và bà T quen nhau thời còn là học sinh, nhưng đến năm 2014 cả 02 chính thức yêu nhau đến năm 2018 thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống với nhau khoảng 01 năm thì bà T phát hiện ông có thêm mối quan hệ trai gái bên ngoài. Bà T có tha thứ cho ông 1, 2 lần nhưng ông vẫn chưa chấm dứt được nên bà T bỏ về nhà ba mẹ sống và yêu cầu ly hôn. Vợ chồng ông không có con chung, không có tài sản và cũng không có nợ chung. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T ông không đồng ý vì đã nhận ra sai lầm của mình nên xin có cơ hội sửa chữa.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Ông P có đến Tòa tuy nhiên ra về trước khi mở phiên tòa. Do vậy tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do trong thời gian sống chung bà phát hiện ông P có người phụ nữ khác, mặc dù bà nhiều lần tha thứ nhưng ông P vẫn không thay đổi. Nhận thấy cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông P nhiều lần vắng mặt. Bản thân bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà T là cho bà được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Phan Thanh P.

2. Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 005781 ngày 16/12/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông P thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- **UBND P.Hưng Phú.**
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc